

Số: 23/2025/QĐST-HNGĐ

TP.HCM, ngày 14 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 48, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 và Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 405/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Mai Võ Ngọc T, sinh năm 1987

Căn cước công dân số: 091087000110

- Bà Võ Thị Bích N, sinh năm 1989

Căn cước công dân số: 079189009181

Cùng địa chỉ: Số 6B/1 (hẻm 791) đường T, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 7 năm 2025, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề trong việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cụ thể:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Võ Ngọc T và bà Võ Thị Bích N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 148 do Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 11/11/2016).

[2] Về con chung: Ông Mai Võ Ngọc T và bà Võ Thị Bích N xác định có ba con chung tên Mai Ngọc T, sinh ngày 25/8/2017; Mai Ngọc T, sinh ngày 15/7/2019 và Mai Ngọc T, sinh ngày 15/7/2019. Hai bên thỏa thuận ông Mai Võ Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục bà trẻ Mai Ngọc T, Mai Ngọc T và Mai Ngọc T cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng cho con do hai bên tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Mai Võ Ngọc T và bà Võ Thị Bích N thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Mai Võ Ngọc T và bà Võ Thị Bích N xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về Lệ phí Tòa án: Ông Mai Võ Ngọc T và bà Võ Thị Bích N chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Võ Ngọc T và bà Võ Thị Bích N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 148 do Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 11/11/2016).

- Về con chung: Ông Mai Võ Ngọc T và bà Võ Thị Bích N xác định có ba con chung tên Mai Ngọc T, sinh ngày 25/8/2017; Mai Ngọc T, sinh ngày 15/7/2019 và Mai Ngọc T, sinh ngày 15/7/2019. Hai bên thỏa thuận ông Mai Võ Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba trẻ Mai Ngọc T, Mai Ngọc T và Mai Ngọc T cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng cho con do hai bên tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Võ Thị Bích N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền, lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Ông Mai Võ Ngọc T và bà Võ Thị Bích N tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Mai Võ Ngọc T và bà Võ Thị Bích N xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Ông Mai Võ Ngọc T và bà Võ Thị Bích N chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23P, số: 0062846 ngày 05/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh (nay Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Mai Võ Ngọc T và bà Võ Thị Bích N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6-TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 6-TP.HCM;
- Đương sự;
- UBND Phường 7, Quận B, TP.HCM
(nay phường B, TP.HCM)
(GCNKH số: 148, đăng ký ngày 11/11/2016);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự. (Công Định)

THẨM PHÁN

Phạm Văn Thạnh

